

Bản án số: 455/2025/DS-ST
Ngày: 19 - 6 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng;

Bà Nguyễn Thị Mây.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vi Thị Lan là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1000/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 545/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 760/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Chiêm Trung M; Địa chỉ: A N, Khu phố D, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang - Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thu T; Địa chỉ: A L, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 004616, quyền số 02/2024 TP/CC-SCC/HĐGD, lập ngày 07 tháng 10 năm 2024 tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh) - **Vắng mặt.**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Hứa Viết M1 là Luật sư Công ty L - Đoàn luật sư Thành phố H - **Vắng mặt.**

- **Bị đơn:** Ông Phan Nguyễn Q; Địa chỉ: Số D, Quốc lộ B, Khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Chiêm Trung M do bà Nguyễn Thu T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Chiêm Trung M (sau đây gọi tắt là “ông M”) và ông Phan Nguyễn Q (sau đây gọi tắt là “ông Q”) có mối quan hệ quen biết từ trước nên khi ông Q có nhu cầu vay tiền, ông M đồng ý và chuyển khoản tổng cộng số tiền là 1.500.000.000 đồng (Bằng chữ:

Một tỷ, năm trăm triệu đồng) vào số tài khoản của ông Q tại Ngân hàng TMCP Á, cụ thể các lần như sau:

- Lần 1, ngày 20/8/2020: ông M chuyển 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng);
- Lần 2, cùng ngày 20/8/2020: ông M chuyển 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng);
- Lần 3, ngày 01/9/2021: ông M chuyển 400.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng);
- Lần 4, cùng ngày 01/9/2021: ông M chuyển 400.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng);
- Lần 5, cùng ngày 01/9/2021: ông M chuyển 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng).

Ngày 01/9/2021, ông Q là người viết và ký nhận tại Giấy vay tiền đối với số tiền là 1.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm triệu đồng); thời hạn vay: khi nào bên cho vay cần thu hồi vốn sẽ báo trước bên vay 30 ngày; lãi suất: hai bên thỏa thuận là vay có lãi nhưng mức lãi suất không ghi vào giấy vay mà thỏa thuận miệng là 03%/tháng, thời hạn trả lãi: hàng tháng.

Sau khi vay tiền, ông Q trả lãi vay vừa bằng tiền mặt, vừa chuyển khoản cho ông M lắt nhắt nhiều lần nhưng không đúng tiến độ hàng tháng từ cuối năm 2020 (ông M không nhớ ngày tháng) đến lần cuối cùng là ngày 04/4/2022 thì ngưng trả lãi, với tổng số tiền lãi đã trả là 540.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm, bốn mươi triệu đồng).

Ngày 25/4/2022, ông Q đã chuyển khoản trả nợ gốc cho ông M 150.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng) và ngày 29/4/2022, ông Q đã chuyển khoản trả nợ gốc cho ông M 250.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng) tiền nợ gốc.

Sau đó ông Q không tiếp tục trả gốc và lãi cho ông M. Ông M đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu ông Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông Q nhiều lần hứa hẹn, tìm lý do né tránh, cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông M.

Ngày 11/4/2024, ông M có gửi thông báo đòi nợ cho ông Q về việc ông đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền và yêu cầu ông sắp xếp hoàn trả toàn bộ tiền nợ gốc và lãi cho ông M trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo. Ngày 12/4/2024, ông Q đã nhận được thông báo nhưng vẫn không có bất kỳ phản hồi nào đối với yêu cầu của ông M.

Về lãi suất, nhận thấy lãi suất 03%/tháng là vượt quá quy định của pháp luật nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với lãi suất là 10%/năm trên số tiền vay như sau:

Đối với số tiền vay 500.000.000 đồng ngày 20/8/2020, đến ngày trả lãi cuối cùng (04/4/2022) là 19 tháng (làm tròn), tiền lãi trong hạn là: $500.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 19 \text{ tháng} = 79.166.667 \text{ đồng}$ (1).

Đối với số tiền vay 1.000.000.000 đồng ngày 01/9/2021, đến ngày trả lãi cuối cùng (04/4/2022) là 07 tháng (làm tròn), tiền lãi trong hạn là: $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 7 \text{ tháng} = 58.333.333 \text{ đồng}$ (2).

Tổng tiền lãi đến ngày 04/4/2022, ông Q phải trả là (1) + (2): 137.500.000 đồng.

Do tiền lãi ông Q trả đến ngày 04/4/2022 vượt quá quy định nên ông M đồng ý trừ số tiền lãi vượt quá vào nợ gốc với số tiền là: 540.000.000 - 137.500.000 đồng = 402.500.000 đồng.

Như vậy, số tiền gốc ông Q còn nợ ông M là: 1.500.000.000 đồng - 402.500.000 đồng = 1.097.500.000 đồng.

Về tiền lãi chưa trả: Yêu cầu ông Phan Nguyễn Q phải trả cho ông C Trung Mỹ số tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, gồm các khoản tiền lãi sau đây:

- Tiền lãi trong hạn từ ngày 30/4/2022 (sau ngày ông Q trả nợ gốc lần cuối) đến ngày 13/5/2024 (30 ngày sau ngày ông M nhận được thông báo đòi nợ) với lãi suất 10%/năm (làm tròn 24 tháng): 697.500.000 đồng x 10%/năm x 24 tháng = 139.500.000 đồng (3).

- Tiền lãi quá hạn từ ngày 14/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/6/2025 với lãi suất 15%/năm (làm tròn 13 tháng): 697.500.000 đồng x 15%/năm x 13 tháng = 113.343.750 đồng (4).

- Tiền lãi trên nợ lãi trong hạn từ ngày 14/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/6/2025 với lãi suất 10%/năm (làm tròn 13 tháng): 139.500.000 đồng x 10%/năm x 13 tháng = 15.112.500 đồng (5).

Tổng số tiền lãi tính đến ngày 19/6/2025 là (3)+(4)+(5) = 267.956.250 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu cá nhân ông Phan Nguyễn Q trả cho ông C Trung Mỹ số tiền nợ tính đến ngày 19/6/2025 gồm nợ gốc 697.500.000 đồng và lãi đến ngày 19/6/2025 là 267.956.250 đồng, tổng cộng là: 965.456.250 đồng. Yêu cầu trả toàn bộ số nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về nơi cư trú của bị đơn: Nguyên đơn chỉ biết địa chỉ duy nhất của bị đơn là: Số D, Quốc lộ B, Khu phố D, phường T, Quận A, TP . là địa chỉ thường trú của bị đơn cung cấp cho nguyên đơn theo căn cước công dân số 091079000041 cấp ngày 19/6/2019 được ghi trong giấy vay tiền lập ngày 01/9/2021. Nguyên đơn không biết địa chỉ nào khác của bị đơn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo địa chỉ của bị đơn cung cấp trong căn cước công dân.

Về giấy vay tiền ngày 01/9/2021 có chữ ký của bà Vũ Thị Bích Đ: Theo giấy vay tiền nêu trên thể hiện thông tin người vay là ông Phan Nguyễn Quyền . Ông Q là người trực tiếp vay, viết giấy vay và ký tên người vay. Ông Chiêm Trung M cũng chỉ cho cá nhân ông Phan Nguyễn Q vay và đã chuyển khoản toàn bộ số tiền vay vào tài khoản cá nhân của ông Q tại Ngân hàng TMCP Á. Bà Võ Thị Bích Đ1 chỉ là người ký tên trên giấy vay tiền với tư cách là người chứng kiến chứ không phải là người vay. Ông M cũng không biết bà Đ1 có phải là vợ của ông Q hay không mà chỉ nghe ông Q giới thiệu. Ông M cũng không biết hiện nay bà Đ1 đang ở đâu và không biết thông tin gì về bà Đ1. Ông Q xác định chỉ cho cá nhân ông Phan Nguyễn Q vay số tiền nêu trên và chỉ yêu cầu cá nhân ông Q trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Nguyễn Q đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Q.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Chiêm Trung M do bà Nguyễn Thu T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin vắng mặt, đã có bản tự

khai phù hợp với đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn là ông Phan Nguyễn Q được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Hứa Viết MI vắng mặt, có đơn xin vắng mặt, đã gửi cho Tòa án bản luận cứ bảo vệ: Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ tính đến ngày 19/6/2025 gồm nợ gốc 697.500.000 đồng, lãi 267.956.250 đồng, tổng cộng là 965.456.250 đồng. Yêu cầu trả toàn bộ số nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác minh, thu thập chứng cứ; cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát đúng thời hạn; chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về nội quy phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Phan Nguyễn Q phải trả cho ông C Trung Mỹ số tiền nợ gốc còn lại là 697.500.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 01/9/2021 và tiền lãi tính đến ngày 19/6/2025 là 267.956.250 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện ngày 01/9/2021, ông Phan Nguyễn Q có ký “Giấy vay tiền” của ông Chiêm Trung M. Do phía ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên xảy ra tranh chấp. Vì vậy, có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo kết quả xác minh của Công an phường T, Quận A thì ông Phan Nguyễn Q, số căn cước công dân: 091079000041 có hộ khẩu thường trú là: 4 Quốc lộ B, Khu phố D, phường T, Quận A nhưng không còn thực tế sinh sống tại địa chỉ trên từ tháng 11/2023 đến nay. Hiện nay công dân sinh sống ở đâu và làm gì không rõ. Như vậy, tại thời điểm hai bên ký kết giấy vay tiền ngày 01/9/2021 thì ông Q cung cấp thông tin căn cước công dân của ông số 091079000041 và có địa chỉ thường trú: 4 Quốc lộ B, Khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn không biết địa chỉ nào khác của bị đơn, nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có cơ sở xác định đơn khởi kiện của nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn mà người khởi kiện biết được gần nhất, tính đến thời điểm khởi kiện và được cơ quan có thẩm quyền cấp, xác nhận. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân

dân Tối cao thì việc ông Phan Nguyễn Q thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng đã ký mà không thông báo cho ông M biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự 2015 được coi là cố tình giấu địa chỉ, nên xác định bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại số D Quốc lộ B, Khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Chiêm Trung M do bà Nguyễn Thu T là người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Hứa Viết M1 vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, ông Phan Nguyễn Q đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có lời khai và các tài liệu, chứng cứ giao nộp cho Tòa án để thể hiện sự phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, ông Phan Nguyễn Q đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; lấy yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xác định người vay tiền và nghĩa vụ trả nợ: Theo nội dung Giấy vay tiền ngày 01/9/2021 thể hiện các thông tin người vay là ông Phan Nguyễn Quyền . Theo trình bày của nguyên đơn thì ông Q là người viết giấy vay tiền và ký tên phía dưới chữ “Người vay” trên giấy vay tiền. Theo các ủy nhiệm chi của Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh P thì số tiền 1.500.000.000 đồng được ông M chuyển vào tài khoản cá nhân của ông Phan Nguyễn Q mở tại Ngân hàng TMCP Á. Mặc dù trên “Giấy vay tiền” có chữ ký của bà Vũ Thị Bích Đ, nhưng bà Đ không ký vào phần “Người vay”. Theo nguyên đơn trình bày thì bà Đ chỉ ký tên với tư cách là người chứng kiến, nguyên đơn không biết thông tin về bà Đ. Vì vậy, không có cơ sở cho rằng bà Đ cùng vay tiền nên xác định ông Q vay tiền với tư cách cá nhân và nguyên đơn yêu cầu cá nhân ông Phan Nguyễn Q trả nợ là có cơ sở.

[5] Về yêu cầu trả nợ của nguyên đơn:

[5.1] Xác định số tiền nợ gốc ban đầu và lãi suất: Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định, ngày 20/8/2020 ông Chiêm Trung M hai lần chuyển khoản cho ông Phan Nguyễn Q vay số tiền là 500.000.000 đồng và ngày 01/9/2021 ông Chiêm Trung M ba lần chuyển khoản cho ông Phan Nguyễn Q vay số tiền là 1.000.000.000 đồng. Ngày 01/9/2021, ông Q đã viết Giấy vay tiền xác nhận vay của ông Chiêm Trung M số tiền là 1.500.000.000 đồng; thời hạn vay: khi nào bên cho vay cần thu hồi vốn sẽ báo trước bên vay 30 ngày; lãi suất thỏa thuận và trả hàng tháng. Do các bên không xác định rõ lãi suất, nguyên đơn cho rằng lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng nhưng không có chứng cứ chứng minh nên chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với lãi suất là 10%/năm. Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5.2] Xác định số tiền lãi đã trả: Nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả tiền lãi nhiều lần vừa bằng tiền mặt, vừa chuyển khoản từ cuối năm 2020 đến lần cuối cùng là ngày 04/4/2022 thì ngưng, không nhớ chính xác số tiền lãi bị đơn đã trả từng lần, chỉ

nhớ tổng số tiền lãi đã nhận là 540.000.000 đồng với lãi suất 03%/tháng nên cần phải xác định lại số tiền lãi ông Q phải trả cho ông M đến ngày 04/4/2022 như sau:

- Tiền lãi trong hạn của số tiền vay 500.000.000 đồng ngày 20/8/2020, đến ngày trả lãi cuối cùng (04/4/2022) là 19 tháng (làm tròn): $500.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 19 \text{ tháng} = 79.166.667 \text{ đồng}$.

- Tiền lãi trong hạn của số tiền vay 1.000.000.000 đồng ngày 01/9/2021, đến ngày trả lãi cuối cùng (04/4/2022) là 07 tháng (làm tròn): $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 7 \text{ tháng} = 58.333.333 \text{ đồng}$.

Tổng tiền lãi đến ngày 04/4/2022 ông Q phải trả là: $79.166.667 \text{ đồng} + 58.333.333 \text{ đồng} = 137.500.000 \text{ đồng}$.

[5.3] Xác định số tiền gốc bị đơn còn nợ: Do tiền lãi ông Q đã trả đến ngày 04/4/2022 vượt quá tiền lãi phải trả nên cần trừ số tiền lãi vượt quá vào nợ gốc với số tiền là: $540.000.000 - 137.500.000 \text{ đồng} = 402.500.000 \text{ đồng}$.

Theo sự thừa nhận của nguyên đơn và sổ phụ tài khoản tiền gửi của Ngân hàng TMCP S do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định ngày 25/4/2022, ông Q đã chuyển khoản trả nợ gốc cho ông M 150.000.000 đồng và ngày 29/4/2022, ông Q đã chuyển khoản trả nợ gốc cho ông M 250.000.000 đồng, tổng cộng là 400.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền nợ gốc ông Q còn phải trả là: $1.500.000.000 \text{ đồng} - (402.500.000 \text{ đồng} + 150.000.000 \text{ đồng} + 250.000.000 \text{ đồng}) = 697.500.000 \text{ đồng}$ theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[5.4] Thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc của bị đơn: Theo Giấy vay tiền ngày 01/9/2021 thì khi nào bên cho vay cần thu hồi vốn sẽ báo trước bên vay 30 ngày. Ngày 11/4/2024, nguyên đơn gửi thông báo đòi nợ cho bị đơn và theo thông báo của Tổng công ty C3, ngày 12/4/2024 đã chuyển phát thành công, nên xác định ngày đến hạn trả nợ là ngày 13/5/2024.

[5.5] Về tiền nợ lãi chưa trả: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả các khoản lãi gồm:

- Tiền lãi trong hạn từ ngày 30/4/2022 (sau ngày ông Q trả nợ gốc lần cuối) đến ngày 13/5/2024 (30 ngày sau ngày ông M nhận được thông báo đòi nợ) với lãi suất 10%/năm (làm tròn 24 tháng): $697.500.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 24 \text{ tháng} = 139.500.000 \text{ đồng}$ (3).

- Tiền lãi quá hạn từ ngày 14/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/6/2025 (làm tròn 13 tháng) với lãi suất 15%/năm: $697.500.000 \text{ đồng} \times 15\%/\text{năm} \times 13 \text{ tháng} = 113.343.750 \text{ đồng}$ (4).

- Tiền lãi trên nợ lãi trong hạn từ ngày 14/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/6/2025 (làm tròn 13 tháng) với lãi suất 10%/năm: $139.500.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 13 \text{ tháng} = 15.112.500 \text{ đồng}$ (5).

Tổng số tiền lãi tính đến ngày 19/6/2025 là $(3)+(4)+(5) = 267.956.250 \text{ đồng}$.

Việc nguyên đơn yêu cầu trả lãi trong hạn từ ngày 30/4/2022 là có lợi cho bị đơn. Căn cứ khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì yêu cầu trả các khoản lãi tính đến ngày 19/6/2025 là 267.956.250 đồng của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc cá nhân ông Phan Nguyễn Q phải trả cho ông Chiêm Trung M số tiền

vay và tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là: 697.500.000 đồng + 267.956.250 đồng = 965.456.250 đồng (Chín trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng), trả toàn bộ số nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; Điều 91; Điều 92; điểm e khoản 1 Điều 192; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 40; Điều 357; Điều 463, Điều 464 ; Điều 465 ; Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chiêm Trung M:

Buộc cá nhân ông Phan Nguyễn Q phải trả cho ông Chiêm Trung M số tiền còn nợ là: 965.456.250 đồng (Chín trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng), trong đó: Số tiền nợ gốc là 697.500.000 đồng (Sáu trăm chín mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng), tiền lãi đến ngày 19/6/2025 là 267.956.250 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng); trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm là 40.963.688 đồng (Bốn mươi triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn, sáu trăm tám mươi tám đồng) do ông Phan Nguyễn Quyền C1;

2.2. Trả lại cho ông Chiêm Trung M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.670.833 đồng (Hai mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn, tám trăm ba mươi ba đồng) theo Biên lai thu số 0049403 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- Viện KSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Điệp

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Điệp